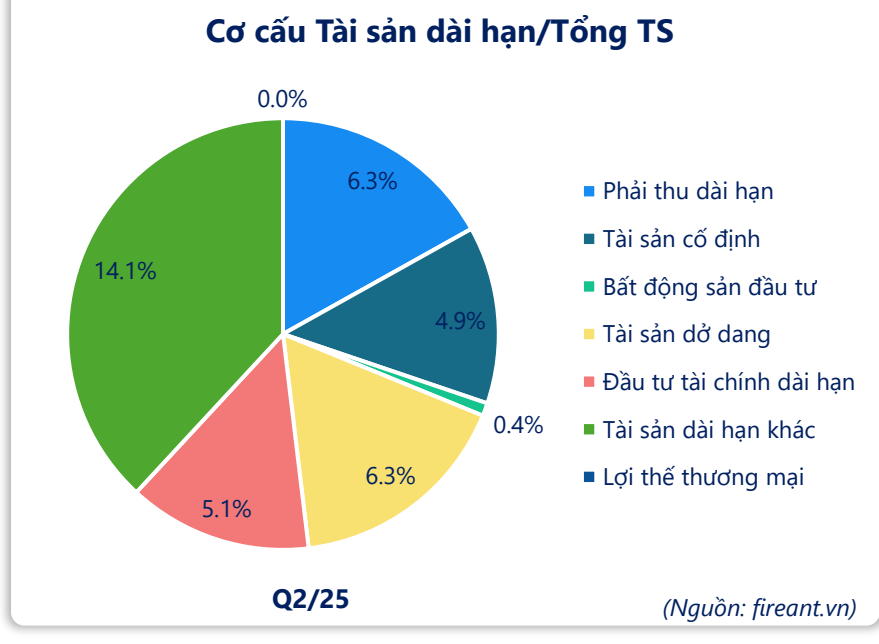
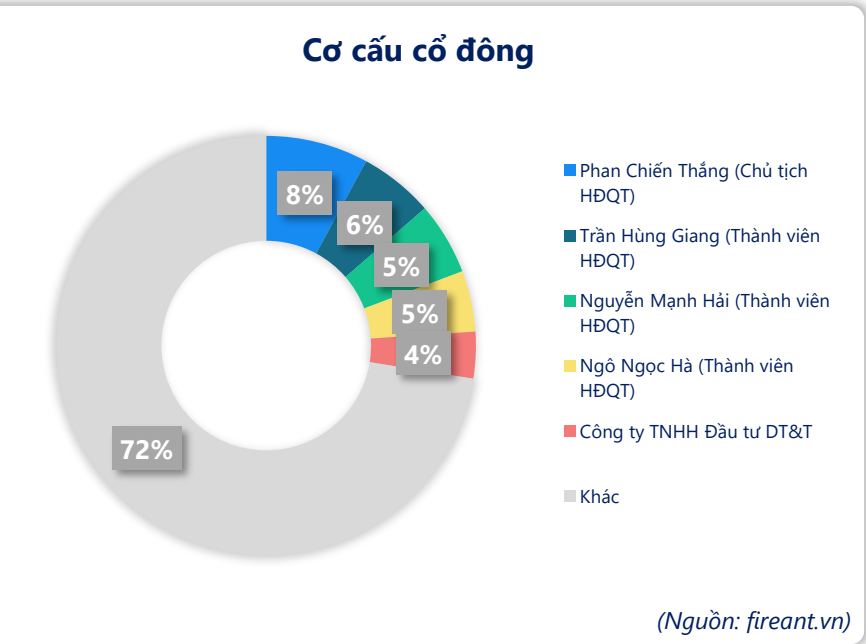
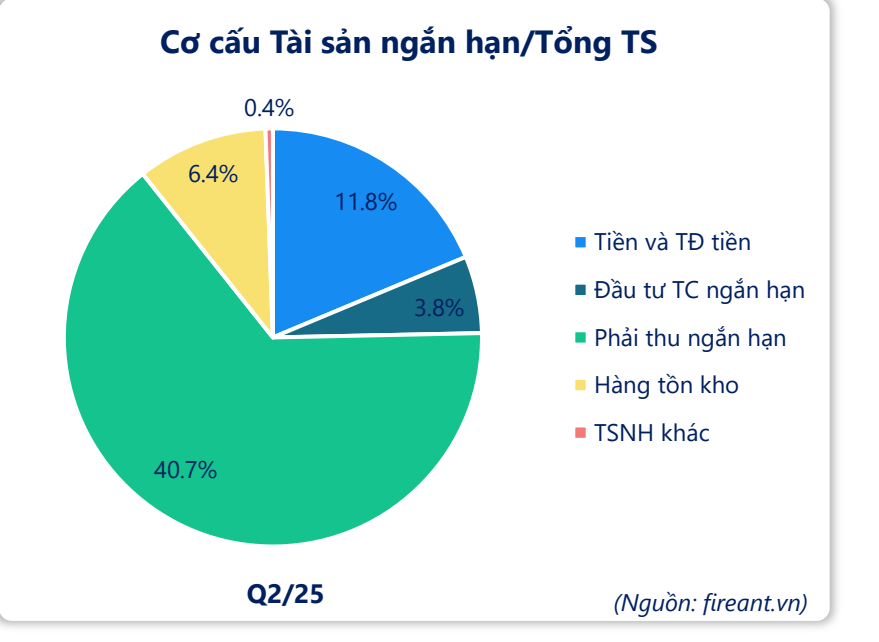
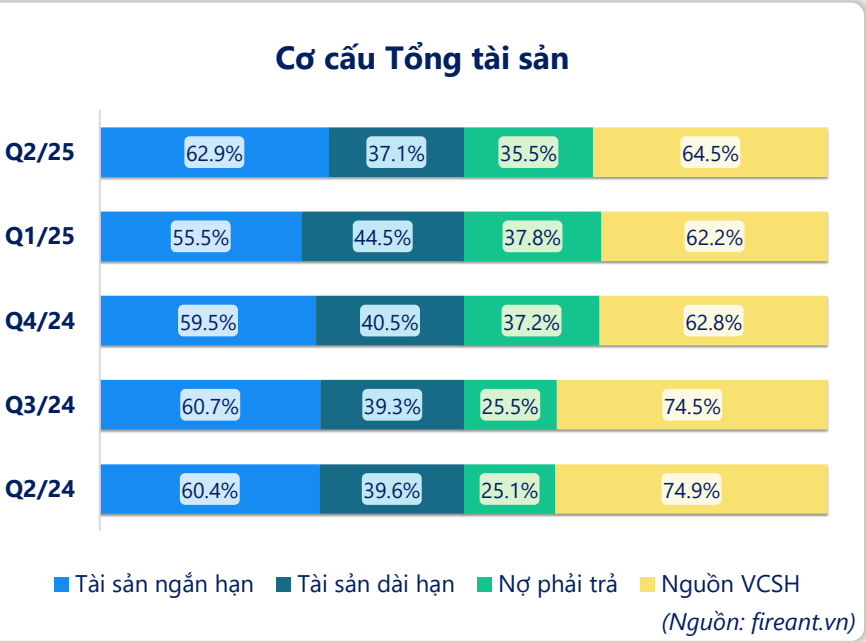
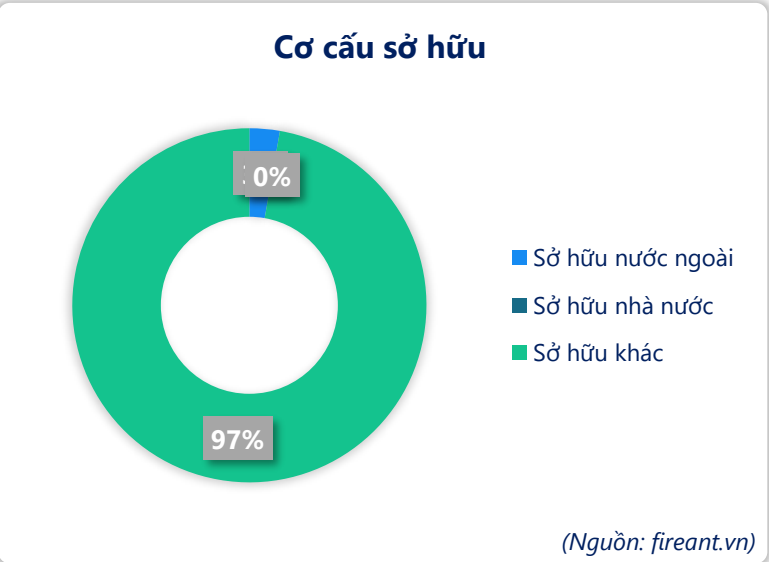
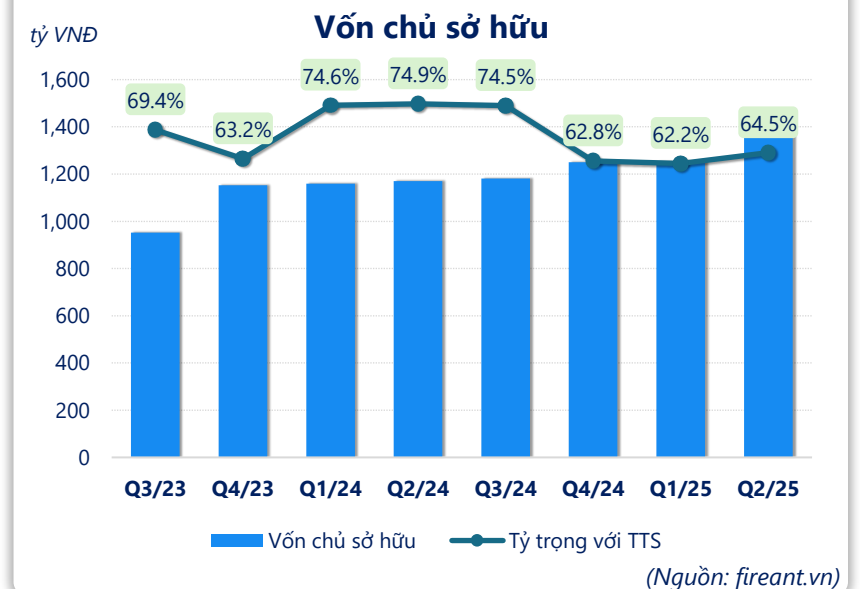
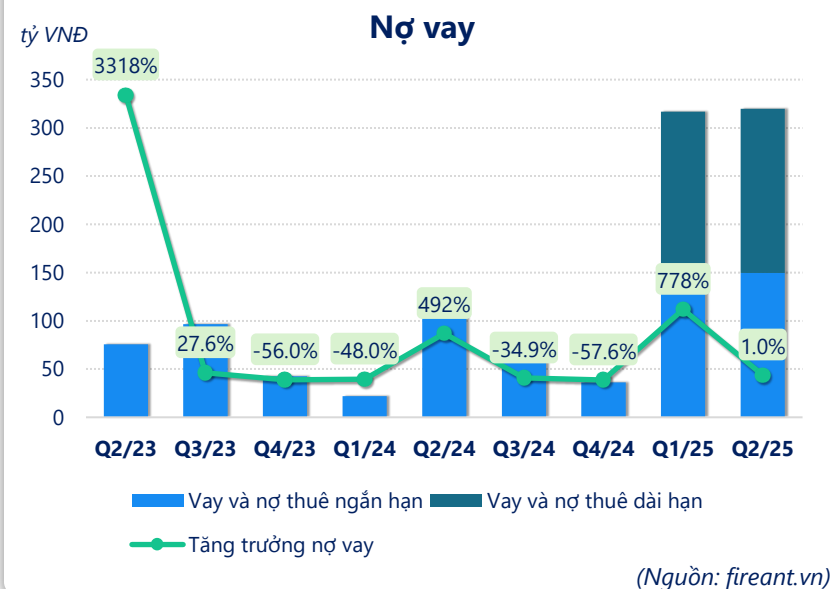
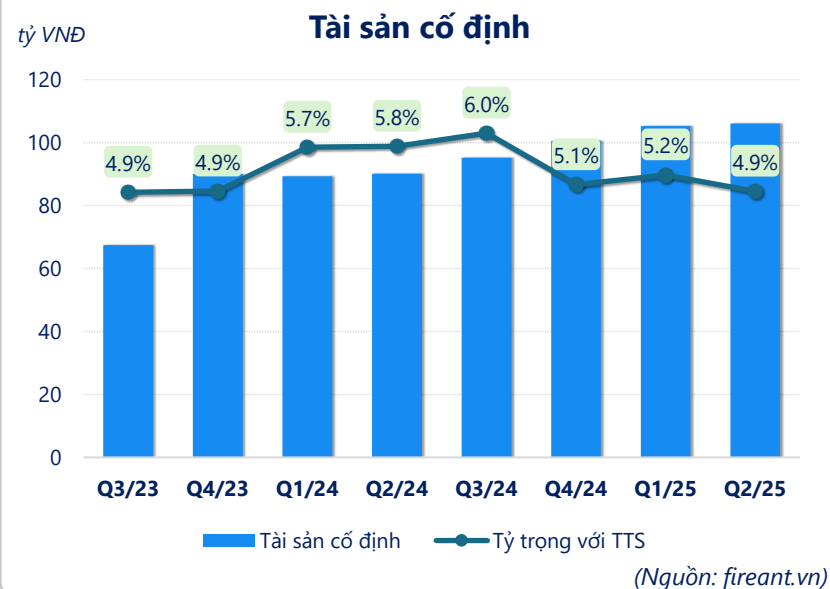
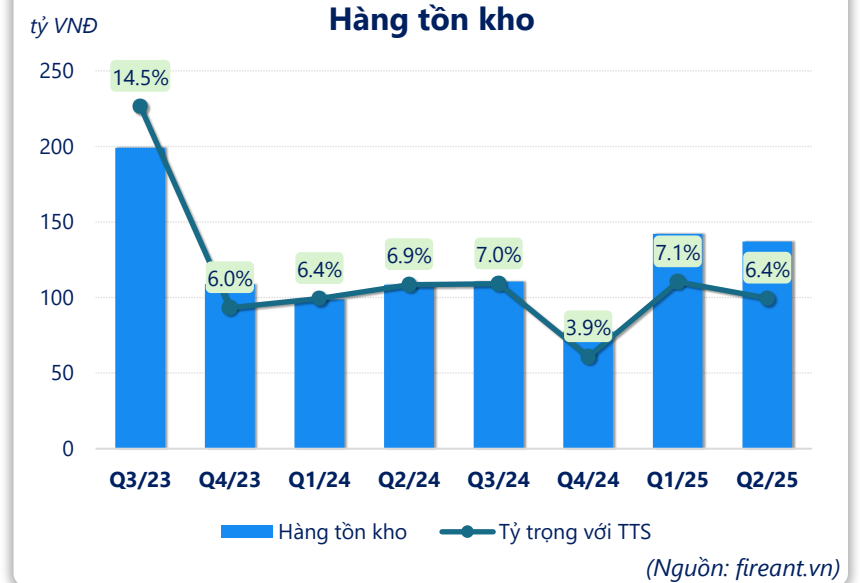
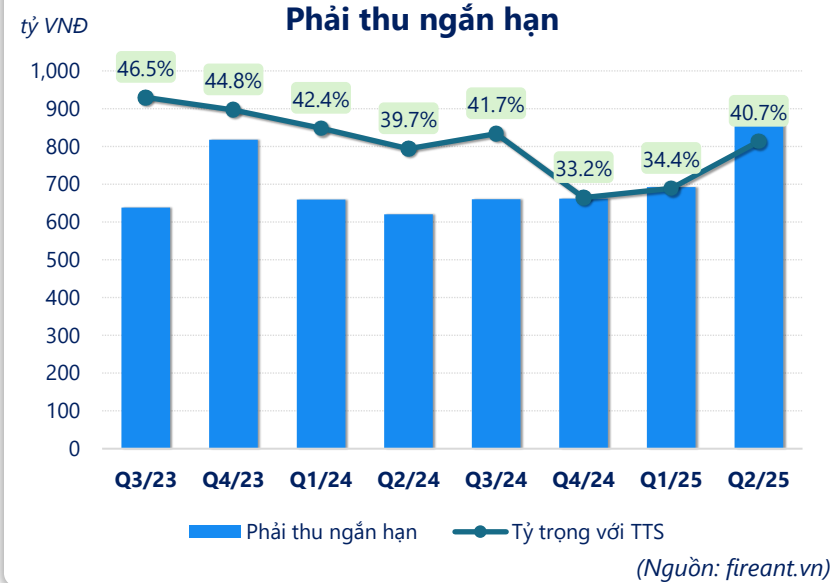
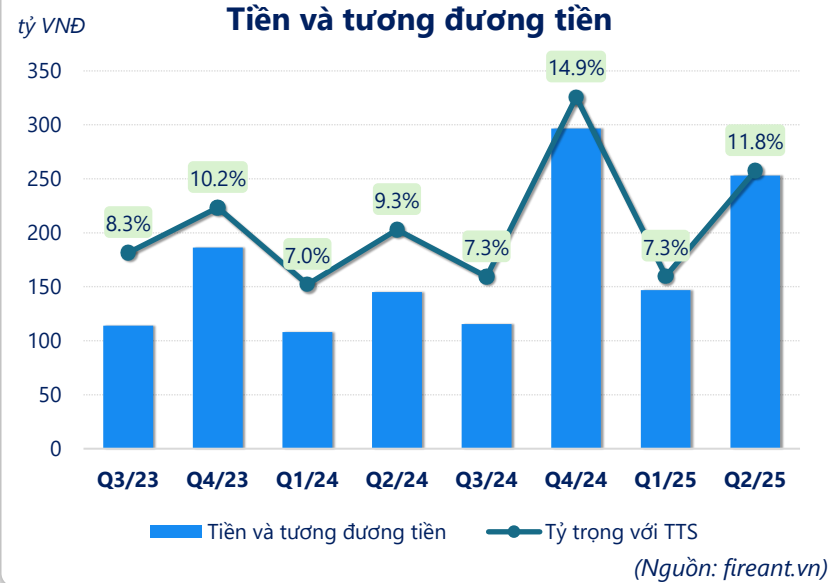
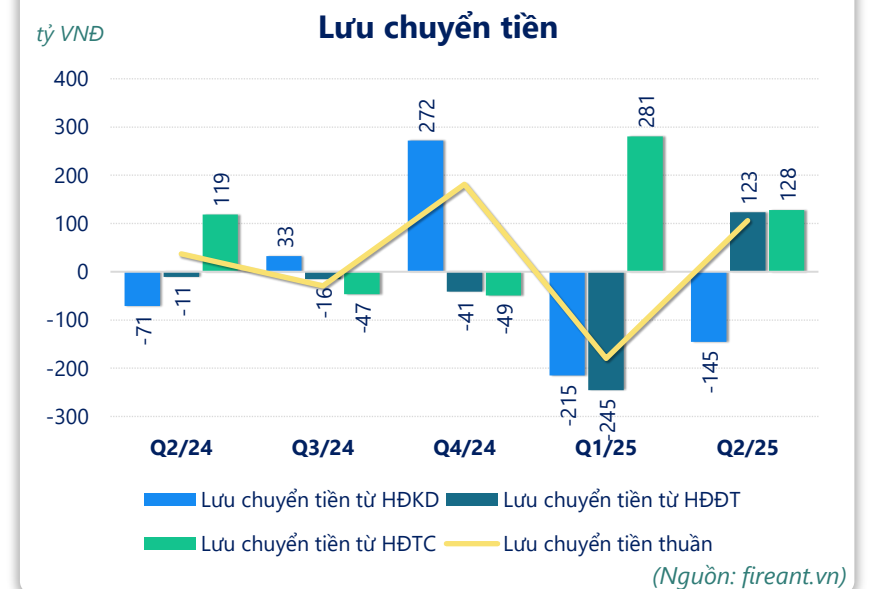
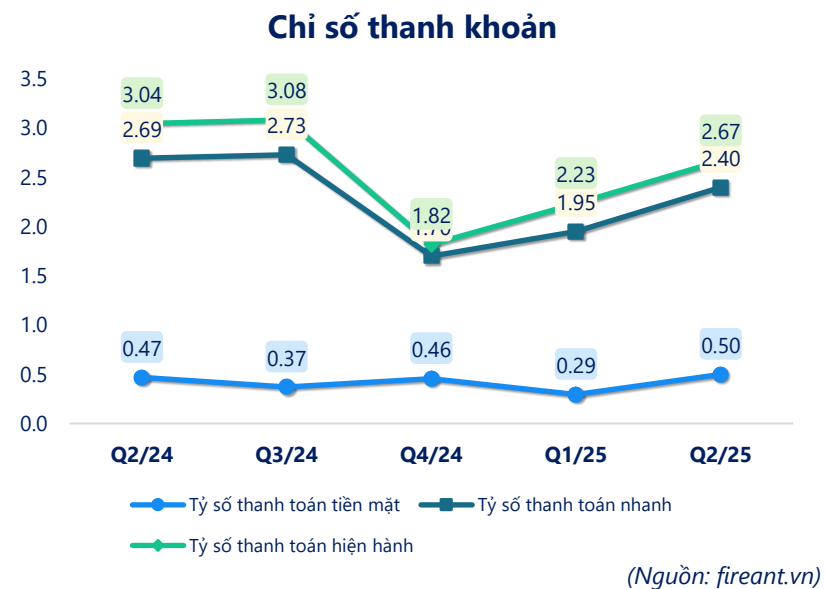
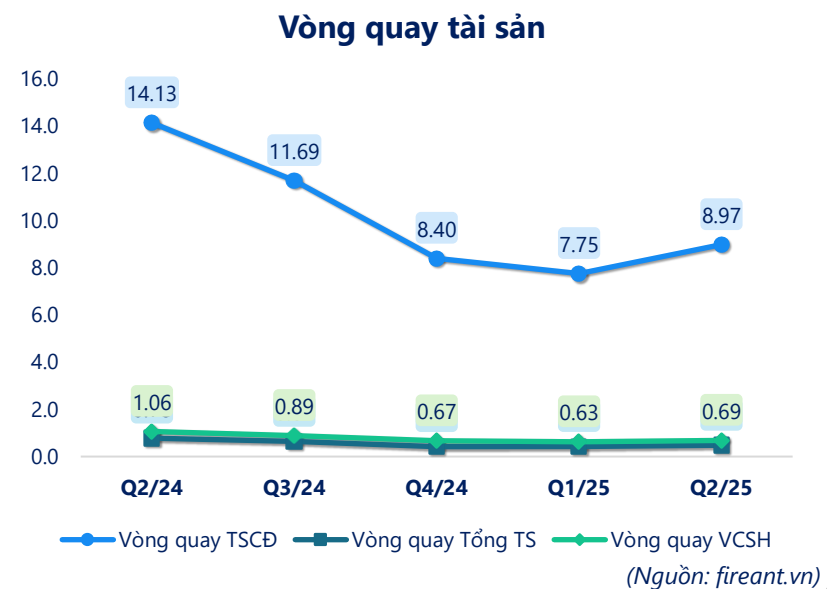
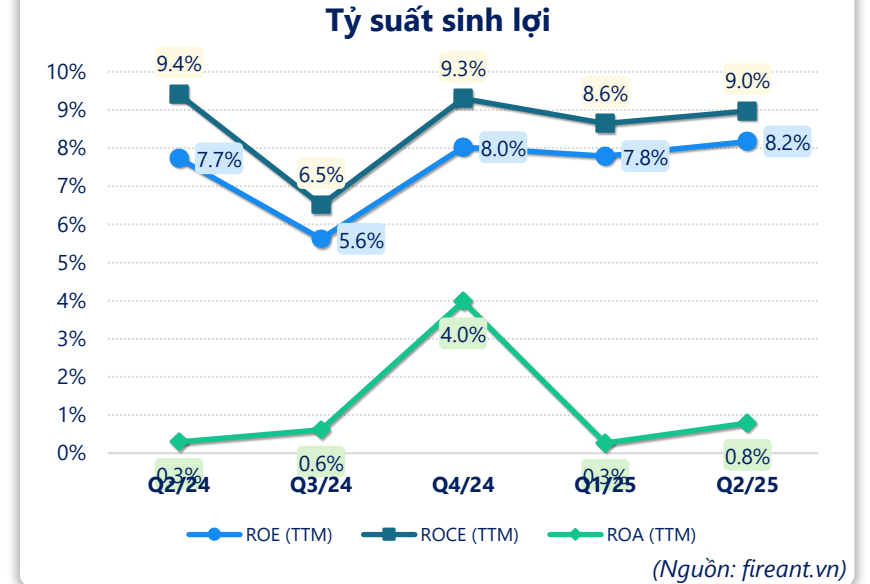
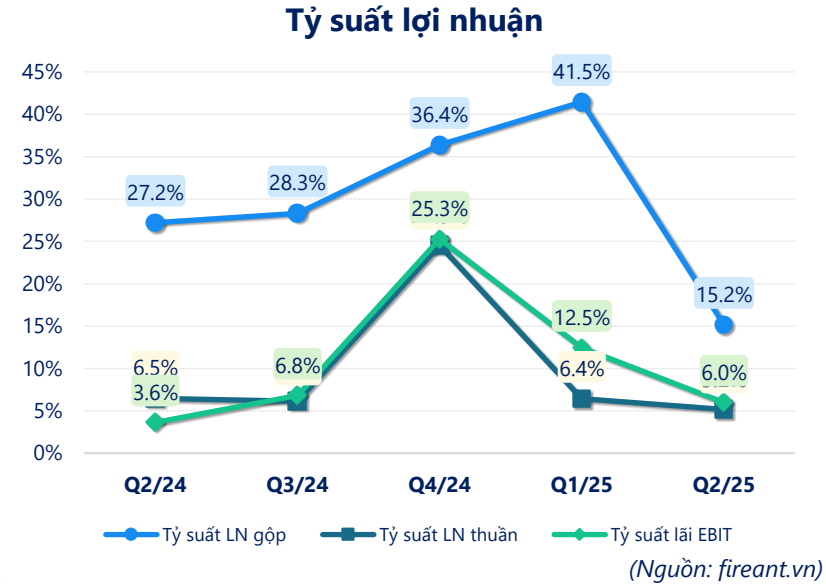
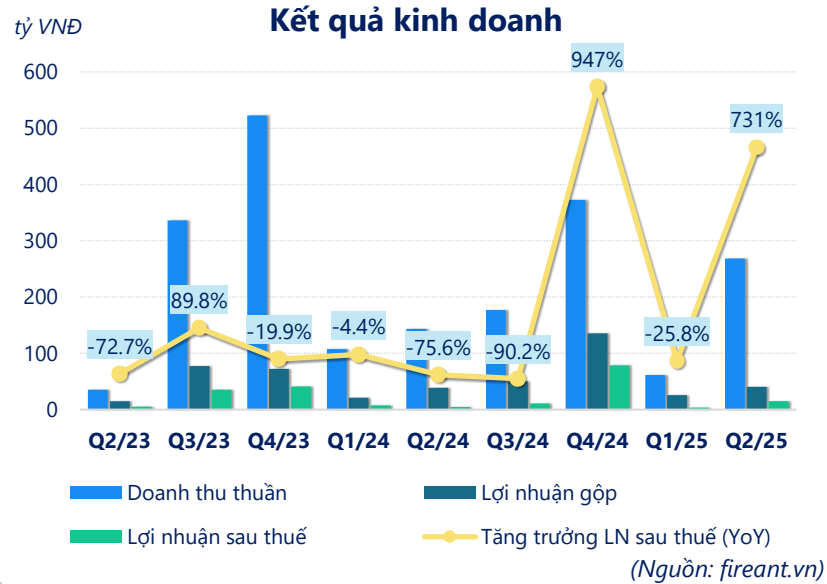


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		22,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		18,300
SL cổ phiếu LH		99,947,436
KLGD BQ 20 phiên (CP)		873,110
% sở hữu nước ngoài		2.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,279
P/E		21.8
EPS		1,045

	YTD	1T	3T	6T
ELC	-4.7%	0.4%	-5.8%	-6.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,149	1,990	8.0%
Tài sản ngắn hạn	1,353	1,185	14.2%
Tiền và tương đương tiền	253	327	-22.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	80.7	115	-30.1%
Phải thu ngắn hạn	874	662	32.1%
Hàng tồn kho	137	77.5	76.7%
Tài sản ngắn hạn khác	7.70	3.09	149%
Tài sản dài hạn	797	806	-1.1%
Phải thu dài hạn	135	62.8	114%
Tài sản cố định	106	100	6.0%
Bất động sản đầu tư	7.73	7.96	-2.9%
Tài sản dở dang	135	216	-37.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	110	109	1.1%
Tài sản dài hạn khác	304	310	-2.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	763	741	2.9%
Nợ ngắn hạn	507	651	-22.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	150	36.1	315%
Phải trả người bán ngắn hạn	162	443	-63.5%
Nợ dài hạn	256	90.4	183%
Vay và nợ thuê dài hạn	170	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,386	1,249	11.0%
Vốn chủ sở hữu	1,386	1,249	11.0%
Vốn điều lệ	999	833	20.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	143	177	373	61.4	269
Giá vốn hàng bán	104	127	237	35.9	228
Lợi nhuận gộp	39.0	50.1	136	25.4	40.7
Doanh thu HĐTC	3.00	1.75	9.62	9.21	10.3
Chi phí TC	7.71	1.51	4.63	3.78	5.24
Chi phí lãi vay	0.93	1.20	0.72	3.72	0.36
LN trong công ty LKLD	0	0	0.00	0	0
Chi phí bán hàng	9.30	19.3	12.4	10.0	12.0
Chi phí QLDN	15.7	20.2	36.8	16.9	20.0
LN thuần từ HĐKD	9.29	10.8	91.3	3.95	13.9
Lợi nhuận khác	-5.01	0.03	2.08	-0.02	1.82
LN trước thuế	4.28	10.9	93.4	3.92	15.7
Lợi nhuận sau thuế	4.65	10.8	78.3	3.34	14.7
LNST của CĐ cty mẹ	4.19	9.12	75.9	4.78	14.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-70.9	32.6	272	-215	-145
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-10.9	-15.6	-41.3	-245	123
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	119	-46.6	-49.0	281	128
Tiền đầu kỳ	108	145	115	327	147
Lưu chuyển tiền thuần	36.8	-29.6	181	-180	106
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0	0.01	0	0.02
Tiền cuối kỳ	145	115	297	147	253

(Nguồn: fireant.vn)